

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 06/08/2026

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Chát.

2. Bà Vũ Thảo Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **94/2026/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 04 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **39/2026/QĐXXST- HNGĐ** ngày **06 tháng 7 năm 2026** và quyết định hoãn phiên tòa số **24/2026/QĐST – HNGĐ** ngày 23 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Căn cước công dân số: 0371880053xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/06/2021. Địa chỉ: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 0370840059xx. Địa chỉ: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh T. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 2 năm đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2008 tại UBND xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị và anh T đã sống ly thân nhau 7 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống

Về con chung, con riêng: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 07 tháng 08 năm 2014 hiện các cháu đang ở với chị H. Nay ly hôn chị H nhận nuôi cả hai cháu Khánh L và cháu Quỳnh Anh C H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung. Chị H xác định mình có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho các cháu. Về con riêng chị và anh T không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và công nợ riêng: Chị và anh T không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. (Nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn T và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Vũ Thị B là mẹ đẻ anh T, bà B cam kết sẽ có trách nhiệm giao ngay tận tay cho anh T những văn bản tố tụng của Tòa án. Bản thân anh T cũng đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh T không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Con chung của chị H và anh T là cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010, tại biên bản lấy ý kiến ngày 19 tháng 5 năm 2026 nguyện vọng cháu L muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Con chung của chị H và anh T là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày ngày 07 tháng 08 năm 2014, tại biên bản lấy ý kiến ngày 19 tháng 5 năm 2026 nguyện vọng cháu Quỳnh A muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 07 tháng 08 năm 2014. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. **Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung.**

- Án phí: Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần 2

không có lý do. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2008 tại UBND xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, mặt khác do tính chất công việc anh T thường xa nhà nên vợ chồng ít chia sẻ thấu hiểu nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Thực tế thì chị H và anh T đã có thời gian sống ly thân khoảng 7 năm nay không có khả năng về đoàn tụ, mặt khác khi Tòa án tiến hành các thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ đồng thời hòa giải để anh chị có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và tạo cơ hội cho anh chị về đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không tham gia hòa giải, điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện: Anh T và chị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Nay là xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống khoảng 3 – 4 năm gần đây anh chị H, anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề làm ăn kinh tế khó khăn, công việc mỗi người một nơi nên đã không có sự thấu hiểu, chia sẻ cùng nhau, anh chị sống ly thân khoảng 4 năm nay, chị H cùng các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H để ở. Có anh T ở cùng mẹ đẻ anh T. Nay chị H ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh chị có hai con chung cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 07 tháng 08 năm 2014. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị H. Do anh chị đều là lao động tự do và ở những khu vực khác nhau nên UBND xã không xác định được mức thu nhập của các bên đương sự.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau bốn năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do anh T không có mặt làm việc nên vụ án đã không tiến hành các thủ tục hoà giải được. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 07 tháng 08 năm 2014. Hiện các cháu đang ở cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng và điều kiện chăm sóc con chung cho Tòa án để làm căn cứ xác định điều kiện và khả năng chăm sóc giáo dục con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với các con sau khi ly hôn. Bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho mức thu nhập của bản thân. Chị H có cung cấp về mức thu nhập của bản thân chị H hiện đang là công nhân với mức lương hàng tháng ở mức biên độ từ 9 triệu đến hơn 10 triệu trên một tháng.

Qua tham khảo ý kiến, nguyện vọng của các con thì cả hai cháu Khánh L và Quỳnh A đều muốn ở với mẹ, thực tế thời gian anh chị sống ly thân thì bốn năm qua các cháu đều do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay để không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của các con chung khi bố mẹ ly hôn và không làm thay đổi môi trường sống, học tập của các cháu nên giao cả hai cháu Khánh L và Quỳnh A cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Do chị H không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung, bản thân chị H xác định mình đủ đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho hai cháu Khánh L và Quỳnh A. Xét không yêu cầu cấp dưỡng đối với con của chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật. Do vậy nay không buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu cháu Khánh L và Quỳnh A cũng vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu đồng thời cũng phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

Về con riêng: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh T không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T. (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A sinh ngày 07 tháng 08 năm 2014 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về con riêng: Chị H, anh T không có con riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T không có tài sản chung và công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2833 ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã Đ, tỉnh Ninh Bình.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh